

Cơ sở Việt Trì

Khoa: Ngoại ngữ, Kinh tế - QTKD, Nông – Lâm – Ngư, Toán – Tin, KHTN, KHXH&NV, Kỹ thuật – Công nghệ, Lý luận chính trị, Tâm lý giáo dục, GDTH&MN.

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
1	TT2314	Cây ăn quả (**)	1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)	1	3	07/5/2018	07g00	N134	Nông – Lâm – Ngư
			1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)		5				
2	CN2255	Chăn nuôi động vật quý hiếm (*)	1311D13A (K11 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017)	1	4	07/5/2018	07g00	N142	
			1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)		1				
			1412D13A (K12 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) - 2014 - 2018)		4				
3	KE2222	Chuyên đề kế toán quản trị (**)	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1	1	07/5/2018	07g00	N143	Kinh tế - QTKD
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		29			N211	
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		30				
4	KT2237	Chuyên đề kinh tế học (**)	1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	1	13	07/5/2018	07g00	N212	
			1412D51A (K12 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)		4				
5	CH2228	Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế và sức khỏe (*)	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	1	25	07/5/2018	07g00	N432	TLGD
6	VH2245	Chuyên đề kinh doanh lễ hành (*)	1412D81A (K12 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lễ hành - 2014 - 2018)	1	2	07/5/2018	07g00	N433	KHXH&NV
7	DL2264	Địa lí tự nhiên miền nhiệt đới (*)	1210D06A (K10 ĐHSP Địa lý A - 2012 - 2016)	1	1	07/5/2018	07g00		
			1311D06A (K11 ĐHSP Địa lý A - 2013 - 2017)		3				
			1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)		15				
			1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)		19				
8	VN2347	Nghiệp vụ du lịch 3 (*)	1412D17A (K12 ĐH Việt Nam học - 2014 - 2018)	1	6	07/5/2018	07g00	N442	
9	SH2245	Hệ sinh thái nông nghiệp (**)	1614D23T (K14 ĐH Sư phạm Sinh học (Liên thông))	1	1	07/5/2018	07g00	N444	KHTN
			1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)		5				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
10	TN2233	Hình học vi phân 2 (*)	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	1	20	07/5/2018	07g00	N454	Toán - Tin	
			1513D01N (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Ngành 2))		1			N443		
			1614D01T (K14 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		6					
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)		20					
11	TA2436	Kĩ năng tổng hợp (Advanced) (*)	1311D04A (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017)	1	1	07/5/2018	07g00	N551	Ngoại ngữ	
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		21			N552		
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1+2	24					N553
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	1	20					
12	VH2219	Kỹ năng thuyết trình (**)	1412D80A (K12 ĐH Hướng dẫn viên du lịch - 2014 - 2018)	1	8	07/5/2018	07g00	N554	KHXH&NV	
13	LC2212	Những vấn đề thời đại ngày nay (**)	1412C03A (K12 CĐSP Địa lý (Địa - GD CD) - 2014 - 2017)	1	1	07/5/2018	07g000	N452	LLCT	
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)		28					
14	DI2234	Hệ thống SCADA (*)	1412D41A (K12 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - 2014 - 2018)	1	7	07/5/2018	07g00	N213	Kỹ thuật - CN	
15	QT2319	Quản trị doanh nghiệp (*)	1412D11A (K12 ĐH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	1	5	07/5/2018	07g00		N612	Kinh tế - QTKD
			1513D50A (K13 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		2					
16	NH2321	Tín dụng và Thẩm định tín dụng ngân hàng (*)	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	1	9	07/5/2018	07g00			
17	TQ2339	Tiếng Trung Quốc cổ đại (*)	1412D18A (K12 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018)	1	5	07/5/2018	07g00	N612	Ngoại ngữ	
			1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		13					
18	CN2227	Thủy sản (****)	1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)	01	13	07/05/18	13g00	HDH407	Nông – Lâm – Ngư	
			1311D13A (K11 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017)		05					
19	HH2247	Tổng hợp hữu cơ (*)	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1	34	07/5/2018	07g00	N453	KHTN	
20	HH2240	Ăn mòn và bảo vệ kim loại (**)	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1	23	09/5/2018	07g00	N433		
21	KE2321	Chuyên đề kế toán tài chính (**)	1311D10B (K11 ĐH Kế toán B - 2013 - 2017)	1	1	09/5/2018	07g00	N142	Kinh tế - QTKD	
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		29			N134		
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		30					
22	KT2260	Chuyên đề Phân tích lợi ích-chi phí (**)	1412D51A (K12 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)	1	4	09/5/2018	07g00	N143		

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
23	TI2355	Công nghệ Web và dịch vụ trực tuyến (*)	1513C15A (K13 CĐ Công nghệ thông tin)	1	1	09/5/2018	07g00	N144	Kỹ thuật - CN
			1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)		8				
			1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)		1				
24	DI2235	Điều khiển ghép nối máy tính (*)	1412D41A (K12 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - 2014 - 2018)	1	7	09/5/2018	07g00		
25	CH2234	Công tác xã hội nông thôn (*)	1513D83N (K13 ĐH Công tác xã hội (Ngành 2))	1	1	09/5/2018	07g00	N611	TLGD
			1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)		17				
26	VN2446	Đại cương về du lịch (*)	1412D17A (K12 ĐH Việt Nam học - 2014 - 2018)	1	6	09/5/2018	07g00	N612	KHXXH&NV
27	DL2263	Địa lí các ngành công nghiệp trọng điểm ở Việt Nam (*)	1311D06A (K11 ĐHSP Địa lý A - 2013 - 2017)	1	3	09/5/2018	07g00		
			1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)		12				
			1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)		22			N613	
28	KT2239	Dự án phát triển nông thôn (**)	1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	1	13	09/5/2018	07g00	N211	Kinh tế - QTKD
29	QT2225	Kỹ năng và quản trị bán hàng (**)	1412D11A (K12 ĐH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	1	5	09/5/2018	07g00	N212	
30	TN2238	Hàm phức 2 (*)	1614D01T (K14 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))	1	6	09/5/2018	07g00	N451	Toán - Tin
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)		22				
31	VL2277	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Vật lí (*)	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	1	24	09/5/2018	07g00	N442	
			1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)		24			N443	
32	TQ2240	Ngữ pháp nâng cao (*)	1412D18A (K12 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018)	1	5	09/5/2018	07g00	N615	Ngoại ngữ
33	TA2337	Ngữ pháp nâng cao (*)	1311D04A (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017)	1	2	09/5/2018	07g00	N621	
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		3				
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		18				
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		23			N622	

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
34	LS2328	Những VĐCB của cuộc CM tư sản thời cận đại (*)	1614D09T (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD) (Liên thông))	1	1	09/5/2018	07g00	N452	KHXXH&NV
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)		28				
35	VH2325	Tài nguyên du lịch (*)	1412D80A (K12 ĐH Hướng dẫn viên du lịch - 2014 - 2018)	1	2	09/5/2018	07g00		
			1412D81A (K12 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lễ hành - 2014 - 2018)		2				
36	TY2216	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y (*)	1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)	01	14	09/5/2018	07g00	N213	Nông – Lâm – Ngư
37	TT2345	Cây dược liệu (**)	1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)	1	12	09/5/2018	07g00	N221	
			1412D12A (K12 ĐH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018)		6				
38	CN2218	Công nghệ sinh sản (**)	1311D13A (K11 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017)	1	2	11/5/2018	07g00	N134	
			1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)		3				
			1513D30A (K13 ĐH Thú y)		27				
39	TT2309	Bệnh cây nông nghiệp (*)	1412D12A (K12 ĐH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018)	1	1	11/5/2018	07g00	N141	
			1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)		6				
40	KE2220	Chuyên đề kiểm toán tài chính (**)	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	1	30	11/5/2018	07g00	N142	Kinh tế - QTKD
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		29			N144	
41	KT2359	Chuyên đề kinh tế đầu tư (**)	1412D51A (K12 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)	1	4	11/5/2018	07g00	N211	
42	KT2338	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp (**)	1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	1	13	11/5/2018	07g00		
43	QT2226	Khởi sự doanh nghiệp (**)	1412D11A (K12 ĐH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	1	5	11/5/2018	07g00	Bài tập lớn (N212)	
44	NH2220	Phân tích tài chính (*)	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	1	9	11/5/2018	07g00	N213	
45	DI2333	Truyền động điện thông minh (*)	1412D41A (K12 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - 2014 - 2018)	1	7	11/5/2018	07g00		Kỹ thuật - CN
46	TI2253	Lập trình trên thiết bị di động (**)	1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	1	8	11/5/2018	07g00	HDH407	

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
47	VH2227	Nghệ nghiệp vụ lễ hành nâng cao (*)	1311D80A (K11 ĐH Hướng dẫn viên du lịch A - 2013 - 2017)	1	1	11/5/2018	07g00	432	KHXXH&NV
			1412D80A (K12 ĐH Hướng dẫn viên du lịch - 2014 - 2018)		2				
48	LS2227	Những cải cách và tư tưởng CC trong LS VN (*)	1614D09T (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD) (Liên thông))	1	1	11/5/2018	07g00		
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&CD) A - 2014 - 2018)		27				
49	DL2362	PPDH địa lí theo hướng tích cực (*)	1311D06A (K11 ĐHSP Địa lý A - 2013 - 2017)	1	2	11/5/2018	07g00	N454	
			1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)		16				
			1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)		18				
50	VH2246	Chuyên đề hướng dẫn suốt tuyến (*)	1412D81A (K12 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lễ hành - 2014 - 2018)	1	2	11/5/2018	07g00	N551	
51	HH2246	PPDH HH ở trường PT theo hướng tích cực (**)	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1	23	11/5/2018	07g00	N552	KHTN
52	CH2236	Quản lí dự án công tác xã hội (*)	1513D83N (K13 ĐH Công tác xã hội (Ngành 2))	1	1	11/5/2018	07g00	N553	TLGD
			1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)		17				
53	VL2256	Quang và quang phổ (*)	1614D40T (K14 ĐH Sư phạm Vật lý (Liên thông))	1	6	11/5/2018	07g00	N611	KHXXH&NV
			1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)		12				
			1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)		18			N612	
54	TN2377	Số đại số (*)	1614D01T (K14 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))	1	6	11/5/2018	07g30	N441	Toán - Tin
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)		22				
55	TA2220	Văn hoá Mỹ (**)	1311D04A (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017)	1	1	11/5/2018	07g00	N613	Ngoại ngữ
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		2				
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		32				
56	TY2217	Dược liệu thú y (*)	1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)	1	14	11/5/2018	13g00	N221	Nông – Lâm – Ngư
57	TY2325	Dược lý học (**)	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	1	29	14/5/2018	07g00	N134	
58	TY2220	Bệnh chó mèo (*)	1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)	01	14	14/5/2018	07g00	N141	

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
59	TI1205	Quản lý hệ thống máy tính (**)	1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	1	1	14/5/2018	07g00	HDH812	Kỹ thuật - CN
			1715D15A (K15 ĐH Công nghệ thông tin)		26				
			1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)		1				
60	QT2335	Quản trị kinh doanh khách sạn (*)	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	2	18	14/5/2018	07g00	142	Kinh tế - QTKD
			1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		7				
61	NH2229	Đầu tư tài chính (*)	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	1	9	14/5/2018	07g00		
62	TA2367	Dịch nâng cao (*)	1311D28A (K11 ĐHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)	1	2	14/5/2018	07g00	N432	Ngoại ngữ
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		24				
63	LS2221	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam (*)	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))	1	1	14/5/2018	07g00	N431	KHXXH&NV
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)		11				
64	CH2305	Nhập môn nhân học xã hội (*)	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	1	1	14/5/2018	07g00		
65	HH2339	Hóa học các hợp chất thiên nhiên (*)	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1	23	14/5/2018	07g00	N433	KHTN
66	VH2226	Kỹ năng hướng dẫn du lịch nâng cao (**)	1412D80A (K12 ĐH Hướng dẫn viên du lịch - 2014 - 2018)	1	2	14/5/2018	07g00	N444	KHXXH&NV
67	VN2255	Cơ sở văn hoá Việt Nam (**)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	13	14/5/2018	07g00		
68	VN2212	Địa lý du lịch Phú Thọ (**)	1412D17A (K12 ĐH Việt Nam học - 2014 - 2018)	1	8	14/5/2018	07g00		
69	TA2221	Lý thuyết dịch (*)	1311D28A (K11 ĐHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)	1	1	14/5/2018	07g00	N441	Ngoại ngữ
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		29			N442	
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		29				
			1210D04A (K10 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2012 - 2016)	2	1			N443	
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		1				
			1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)		28				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
70	SH2427	Di truyền học (**)	1513D23A (K13 ĐH Sư phạm Sinh học)	1	12	14/5/2018	07g00	N454	KHTN	
			1614D23A (K14 ĐH Sư phạm Sinh học)		4					
71	HH2229	Hóa lí 2 (*)	1513D24A (K13 ĐH Sư phạm Hóa học)	1	13	14/5/2018	07g00	N611		
72	TQ2346	Nghe 2 (***)	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1+2	17	14/5/2018	07g00	N451	Ngoại ngữ	
			1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1	6			N452		
			1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		28					
			1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	2	23			N453		
73	LC2208	Chính trị học đại cương (*)	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)	1	1	14/5/2018	13g00	N431	LLCT	
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		2					
			1614D09T (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD) (Liên thông))		3					
			1715D09A (K15 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		5					
74	DI2220	Cơ sở lý thuyết trường điện từ (*)	1715D41A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử)	1	8	14/5/2018	13g00	N134	Kỹ thuật - CN	
75	TI2254	Quản lý dự án phần mềm (*)	1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	1	8	14/5/2018	13g00			
76	LS1201	Dân tộc học đại cương (**)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	2	14/5/2018	13g00	N432	KHXXH&NV	
			1715D80A (K15 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)		9					
			1715D81A (K15 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		14					
77	DL2242	Địa lý tự nhiên các lục địa 2 (*)	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1	2	14/5/2018	13g00	N433		
			1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)		14					
78	SH1209	Động vật học (*)	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	1	7	14/5/2018	13g00	N444	KHTN	
			1715D13A (K15 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))		4					
			1715D30A (K15 ĐH Thú y)		10					
79	TT2358	Cây lương thực (**)	1412D12A (K12 ĐH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018)	1	2	14/5/2018	13g00	N141	Nông – Lâm – Ngư	
			1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)		5					
80	CN2256	Chọn và nhân giống vật nuôi (*)	1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	1	18	14/5/2018	13g00	N142		

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
81	TN2386	Giải tích toán học 2 (*)	1715D42A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	1	3	14/5/2018	13g00	N441	Toán - Tin
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		8				
			1715D01A (K15 ĐH Sư phạm Toán học)		18				
82	TA2232	Kỹ năng thuyết trình (**)	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	2	1	14/5/2018	13g00	N442	Ngoại ngữ
			1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		23				
83	TI2327	Mạng máy tính (***)	1715D15A (K15 ĐH Công nghệ thông tin)	1	26	14/5/2018	13g00	HDH408	Kỹ thuật - CN
			1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)		3				
84	SH1203	Môi trường và con người (***)	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1	2	14/5/2018	13g00	HDH407	KHTN
			1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)		1				
			1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)		4				
			1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)		1				
			1715D23A (K15 ĐH Sư phạm Sinh học)		7				
			1715D23T (K15 ĐH Sư phạm Sinh học (Liên thông))		1				
85	NV2424	VHVN trung đại II (TK XVIII - TKXIX) (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	1	14/5/2018	13g00	N443	KHXXH&NV
			1614D02A (K14 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		24				
			1715D02N (K15 ĐH Sư phạm Ngữ văn (Ngành 2))		1				
86	TQ2264	Viết 4 (*)	1311D18A (K11 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A - 2013 - 2017)	1	1	14/5/2018	13g00	N451	Ngoại ngữ
			1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		3				
			1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		23				
87	NV2315	Văn bản Hán văn Trung Quốc (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	2	14/5/2018	15g00	N454	KHXXH&NV
			1614D02A (K14 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		4				
			1715D02A (K15 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		11				
88	TT2233	Cây đặc sản nông nghiệp (**)	1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)	1	12	16/5/2018	07g00	N134	Nông – Lâm – Ngư
			1412D12A (K12 ĐH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018)		6				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
89	TY2221	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật (*)	1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)	1	14	16/05/18	07g00	N141	Nông – Lâm – Ngư
90	TN2279	Chuyên đề đa thức và phân thức hữu tỉ (*)	1513D01T (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))	1	1	16/5/2018	07g00	N431	Toán - Tin
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)		22				
91	TA2271	Công nghệ dạy và học ngoại ngữ (**)	1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	2	7	16/5/2018	07g00	HDH204	Ngoại ngữ
92	CN2254	Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi (***)	1311D13A (K11 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017)	1	4	16/5/2018	07g00	HDH407	Nông – Lâm – Ngư
			1412D13A (K12 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) - 2014 - 2018)		4				
93	CH2335	Công tác xã hội các nhóm đối tượng yếu thế (*)	1513D83N (K13 ĐH Công tác xã hội (Ngành 2))	1	1	16/5/2018	07g00	N611	TLGD
			1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)		17				
94	VL2339	Điện động lực học (*)	1614D40T (K14 ĐH Sư phạm Vật lý (Liên thông))	1	6	16/5/2018	07g00	N612	Toán - Tin
			1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)		12			N613	
			1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)		18				
95	SH2344	Di truyền học người (**)	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	1	5	16/5/2018	07g00	N614	KHTN
96	LS2212	Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử (*)	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)	1	1	16/5/2018	07g00	N432	KHXXH&NV
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		27			N433	
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		21				
97	VH1201	Văn bản Hán Nôm (*)	1513D17A (K13 ĐH Việt Nam học)	3	4	16/5/2018	07g00	N441	
			1715D80A (K15 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)		9				
98	DL2235	Dân số học đại cương (*)	1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)	2	14	16/5/2018	07g00		
99	TA2216	Ngữ nghĩa học (*)	1311D04A (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017)	1	2	16/5/2018	07g00	N442	Ngoại ngữ
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		3			N452	
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		29				
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		5				
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		28				
100	VL2375	Phân tích chương trình Vật lý phổ thông (*)	1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)	1	8	16/5/2018	07g00	N444	Toán - Tin

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
101	NV2234	VH phương Tây 1 (Hi Lạp cổ đại, Anh, Bắc Mỹ – Mỹ la tinh) (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	23	16/5/2018	07g00	N454	KHXXH&NV	
			1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		22			N551		
			1715D02N (K15 ĐH Sư phạm Ngữ văn (Ngành 2))		1					
			1614D02A (K14 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		27			N453		
102	TN2324	Xác suất thống kê 3 (*)	1311D01A (K11 ĐHSP Toán học A - 2013 - 2017)	1	1	16/5/2018	07g00	N451	Toán - Tin	
			1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)		4					
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)		1					
			1513C01A (K13 CĐ Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		1					
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		23					
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		16			N443		
			1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		14					
103	SH2424	Sinh lý học thực vật (**)	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	2	3	16/5/2009	09g00	N615	KHTN	
			1513D23A (K13 ĐH Sư phạm Sinh học)		12					
104	HH2248	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ (**)	1513D24A (K13 ĐH Sư phạm Hóa học)	1	13	16/5/2015	09g00	N621		
			1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)		1					
105	DI1336	Cơ học ứng dụng (*)	1311D41A (K11 ĐH Công nghệ KT Điện - Điện tử A - 2013 - 2017)	2	1	16/5/2018	13g00	N134	Kỹ thuật - CN	
			1614D41A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)		8					
			1715D41A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử)		8					
106	CN2246	Dinh dưỡng động vật (*)	1311D13A (K11 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017)	2	1	16/5/2018	13g00	N141	Nông – Lâm – Ngư	
			1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)	2	2					
			1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))		18					
			1614D30A (K14 ĐH Thú y)		26			N142		
			1614D30A (K14 ĐH Thú y)		26			N143		
107	TQ2348	Độc 2 (*)	1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1	3	16/5/2018	13g00	N432	Ngoại ngữ	
			1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		28					
			1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1+2	5			N441		
			1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	2	23					

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
108	CH2213	Giáo dục và sự phát triển xã hội (*)	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	1	3	16/5/2018	13g00	N433	TLGD	
			1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)		10					
109	HH1209	Hóa phân tích (**)	1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)	2	1	16/5/2018	13g00	N444	KHTN	
			1513D30A (K13 ĐH Thú y)		1					
			1715D13A (K15 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))		4					
			1715D30A (K15 ĐH Thú y)		10					
110	HH1250	Hóa học hữu cơ (**)	1513D23A (K13 ĐH Sư phạm Sinh học)	1	1	16/5/2018	13g00	N454		
			1614D23A (K14 ĐH Sư phạm Sinh học)		4					
			1715D23A (K15 ĐH Sư phạm Sinh học)		7					
			1715D23T (K15 ĐH Sư phạm Sinh học (Liên thông))		1					
111	KE2303	Kế toán tài chính 2 (*)	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1	1	16/5/2018	13g00	N144	Kinh tế - QTKD	
			1311D10B (K11 ĐH Kế toán B - 2013 - 2017)		1					
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		11					
			1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)		2					
			1513D10B (K13 ĐH Kế toán B)		15			N211		
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		28					
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		28			N212		
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		25			N213		
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		24			N221		
112	LS1203	Lịch sử văn minh thế giới 1 (**)	1311D28A (K11 ĐHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)	2	1	16/5/2018	13g00	N442	KHXXH&NV	
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		1					
			1715D83A (K15 ĐH Công tác xã hội)		8					
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&CD) A - 2014 - 2018)		5					
			1715D09A (K15 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))		4					
113	LS2415	Lịch sử Việt Nam cận đại (**)	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&CD) A - 2014 - 2018)	1	1	16/5/2018	13g00	N431		
			1614D09A (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))		9					

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
114	KT1203	Luật kinh tế (*)	1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh	1	23	16/5/2018	13g00	N231	Kinh tế - QTKD	
			1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh		6					
			1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		6					
115	KT1230	Phát triển nông thôn (*)	1311D50A (K11 ĐH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	2	1	16/5/2018	13g00	N232		
			1513D50A (K13 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		1					
			1614D50A (K14 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		3					
			1614D51A (K14 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư))		5					
116	TA2309	Ngữ pháp (*)	1311D04B (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1	2	16/5/2018	13g00	N443	Ngoại ngữ	
			1311D28A (K11 ĐHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)		2					
			1412C04A (K12 CĐSP Tiếng Anh - 2014 - 2017)		3					
			1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)		17					
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		5			N611		
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		2					
			1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)		16					
			1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		23					N451
117	TQ2224	Văn học Trung Quốc (*)	1311D18N (K11 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A (ngành 2) - 2013 - 2017)	1	1	16/5/2018	13h00			
118	TI2267	Nhập môn xử lý ảnh (*)	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	1	15	16/5/2018	13g00	N233	Kỹ thuật - CN	
			1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)		15					
119	TT2337	Phân bón (***)	1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)	1	5	16/5/2018	13g00	HDH407	Nông – Lâm – Ngư	
120	LC2321	Pháp luật du lịch (**)	1715D80A (K15 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)	1	9	16/5/2018	13g00	N612	LLCT	
			1715D81A (K15 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		14					
			1715D81N (K15 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành (Ngành 2))		1					
121	TI2265	Phương pháp tính (*)	1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	2	3	16/5/2018	13g00	N241	Kỹ thuật - CN	
			1715D01T (K15 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		8					
			1715D15A (K15 ĐH Công nghệ thông tin)		7			N242		
			1715D15A (K15 ĐH Công nghệ thông tin)		19					

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
122	TN1268	Phương trình vi phân (*)	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1	1	16/5/2018	13g00	N613	Toán - Tin
			1614D24A (K14 ĐH Sư phạm Hóa học)		2				
			1715D24A (K15 ĐH Sư phạm Hóa học)		5				
			1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)		2				
123	TG2328	Tâm lý học quản lý (*)	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1	5	16/5/2018	13g00	N614	TLGD
			1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		7				
124	NV2333	VH Châu Á (VH Trung Quốc, ấn Độ, Nhật Bản) (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	3	16/5/2018	13g00	N615	KHXXH&NV
			1715D02A (K15 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		11				
125	SH2246	Kĩ thuật dạy học sinh học (**)	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	1	5	18/5/2018	07g00	N613	KHTN
126	TA2361	Kỹ năng tổng hợp (*)	1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	1	7	18/5/2018	07g00	N614	Ngoại ngữ
127	TQ1250	Ngôn ngữ học đối chiếu (*)	1311D18N (K11 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A (ngành 2) - 2013 - 2017)	1	1	18/5/2018	7h00		
			1412D18A (K12 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018)		10				
128	VL2254	Nhập môn lý thuyết trường lượng tử (*)	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	2	30	18/5/2018	07g00	N432	Toán - Tin
129	CN2353	Sinh lý động vật ứng dụng (**)	1311D13A (K11 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017)	1	4	18/5/2018	07g00	N134	Nông – Lâm – Ngư
			1412D13A (K12 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) - 2014 - 2018)		4				
130	TT2246	Sinh lý thực vật ứng dụng (**)	1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)	1	12	18/5/2018	07g00	N141	
			1412D12A (K12 ĐH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018)		6				
131	NV1211	Dẫn luận thi pháp học (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	23	18/5/2018	07g00	N611	KHXXH&NV
			1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		22			N612	
132	TN2225	Hàm phức 1 (*)	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	1	26	18/5/2018	07g00	N441	Toán - Tin
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		25			N442	
			1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		12			N443	
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)		7				
			1715D01A (K15 ĐH Sư phạm Toán học)		1				
			1715D01T (K15 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		5				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
133	LS2210	Lịch sử ngoại giao và LS quân sự Việt Nam (*)	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))	1	25	18/5/2018	07g00	N451	KHXXH&NV
			1513D17A (K13 ĐH Việt Nam học)		4				
134	VH2258	Du lịch quốc tế (**)	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1	18	18/5/2018	07g00	N444	
135	TA2218	Văn học Anh - Mỹ (*)	1210D28A (K10 ĐHSP Tiếng Anh A - 2012 - 2016)	1	1	18/5/2018	07g00	N452	Ngoại ngữ
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		29			N453	
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		1				
			1412C04A (K12 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)		1				
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		29				
136	TT2339	Chọn, tạo giống cây trồng (***)	1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)	1	5	18/5/2018	13g00	HDH407	Nông – Lâm – Ngư
137	TT2243	Cỏ dại (**)	1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)	1	2	18/5/2018	13g00	N134	
			1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)		4				
138	DI2303	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 (**)	1311D41A (K11 ĐH Công nghệ KT Điện - Điện tử A - 2013 - 2017)	1	2	18/5/2018	13g00	N141	Kỹ thuật - CN
			1715D41A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử)		8				
139	LS1233	Đại cương lịch sử Việt Nam (*)	1412D81A (K12 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành - 2014 - 2018)	1	1	18/5/2018	13g00	N611	KHXXH&NV
			1715D02A (K15 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		11				
140	DL2433	Địa lý tự nhiên đại cương 2 (Khí quyển-Thủy quyển) (*)	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1	1	18/5/2018	13g00	N612	
			1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)		4				
			1715D06A (K15 ĐH Sư phạm Địa lý)		7				
141	SH2475	Hóa sinh học (**)	1614D23A (K14 ĐH Sư phạm Sinh học)	1	4	18/5/2018	13g00	N613	KHTN
			1715D23T (K15 ĐH Sư phạm Sinh học (Liên thông))		1				
142	DI2209	Kỹ thuật điện tử số (*)	1614D41A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)	1	8	18/5/2018	13g00	N142	Kỹ thuật - CN
143	LS2357	Lịch sử thế giới hiện đại (***)	1614D09A (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))	1	9	18/5/2018	13g00	HDH408	KHXXH&NV
144	LS2454	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại (**)	1311D17A (K11 ĐH Việt Nam học A - 2013 - 2017)	1	2	18/5/2018	13g00	N614	
			1715D09A (K15 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		5				
145	VN1209	Mỹ học đại cương (*)	1614D02A (K14 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	2	26	18/5/2018	13g00	N432	

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
146	TA2380	Nghe - Nói 4 (*)+(**)	1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1	33	18/5/2018	13g00	N441	Ngoại ngữ
147	TQ2261	Nghe 4 (***)	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1	3	18/5/2018	13g00	N442	
			1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		26				
148	VH2206	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành (*)	1412D17A (K12 ĐH Việt Nam học - 2014 - 2018)	1	1	18/5/2018	13g00	N433	KHXXH&NV
			1412D81A (K12 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành - 2014 - 2018)	1	1				
			1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		8				
149	CN2205	Di truyền động vật (*)	1311D13A (K11 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017)	1	1	18/5/2018	13g00	N143	Nông – Lâm – Ngư
			1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)		1				
			1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))		1				
			1513D30A (K13 ĐH Thú y)		1			N144	
			1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))		18				
			1614D30A (K14 ĐH Thú y)		26				
			1614D30A (K14 ĐH Thú y)		26				
150	LN1201	Sinh thái môi trường (**)	1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)	2	1	18/5/2018	13g00	N212	
			1715D13A (K15 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))		4				
			1715D30A (K15 ĐH Thú y)		10				
151	CH1202	Tâm lý học tôn giáo (*)	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	1	4	18/5/2018	13g00	N615	TLGD
			1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)		4				
			1715D83A (K15 ĐH Công tác xã hội)		8				
152	TI2323	Thiết bị ngoại vi và ghép nối (***)	1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	1	1	18/5/2018	13g00	HDH402	Kỹ thuật - CN
			1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)		15				
153	TQ1301	Tiếng Trung (1) (***)	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1	5	18/5/2018	13g00	HDH214	Ngoại ngữ
			1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		23				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
154	KT1302	Toán kinh tế (*)	1311D50A (K11 ĐH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	1	1	18/5/2018	13g00	N213	Kinh tế - QTKD
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		2				
			1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)		1				
			1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)		1				
			1412D51A (K12 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)		1				
			1513D11A (K13 ĐH Quản trị kinh doanh)		1				
			1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		2				
			1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		12				
			1614D50A (K14 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		1				
			1614D51A (K14 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư))		4				
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		29			N221	
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		28			N222	
			1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh		28			N231	
155	TI2266	Toán rời rạc (*)	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	1	2	18/5/2018	13g00	N232	Kỹ thuật - CN
			1715D15A (K15 ĐH Công nghệ thông tin)		26				
156	TQ2349	Viết 2 (*)	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1	3	18/5/2018	13g00	N433	Ngoại ngữ
			1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	2	23				
			1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1	28			N451	
157	TN2222	Phương trình vi phân (*)	1513C01A (K13 CĐ Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	1	1	19/5/2018	07g00	N432	Toán - Tin
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		4				
			1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		15				
			1715D01A (K15 ĐH Sư phạm Toán học)		1				
			1715D01T (K15 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		5				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
158	CD2211	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh (**)	1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	1	7	21/5/2018	07g00	N611	GDTH&MN
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDCD))		20				
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDCD))		28			N612	
159	TA2352	Phương pháp giảng dạy bộ môn 1 (*)	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1	1	21/5/2018	07g00	N432	Ngoại ngữ
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		29				
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		29			N441	
160	TN2223	Quy hoạch tuyển tính (*)	1311D50A (K11 ĐH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	1	1	21/5/2018	07g00	N433	Toán - Tin
			1513D01T (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		1				
			1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		15				
			1715D01T (K15 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		1				
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		26			N442	
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		25			N443	
161	VL2337	Vật lý chất rắn (*)	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	1	5	21/5/2018	07g00	N444	
			1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)		7				
			1614D40T (K14 ĐH Sư phạm Vật lý (Liên thông))		1				
162	SH2278	Tiến hóa (*)	1715D23T (K15 ĐH Sư phạm Sinh học (Liên thông))	1	1	21/5/2018	07g00	N613	KHTN
			1513D23A (K13 ĐH Sư phạm Sinh học)		12				
163	DL2241	Địa lý tự nhiên các lục địa 1 (***)	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1	3	21/5/2018	07g00	N614	KHXXH&NV
			1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)		14				
164	TN2215	Đại số tuyển tính 2 (*)	1715D41A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử)	1	8	21/5/2018	13g00	N432	Toán - Tin
			1715D42A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)		3				
			1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)		2				
			1715D01A (K15 ĐH Sư phạm Toán học)		18				
165	CN2303	Sinh hoá động vật (**)	1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	2	18	21/5/2018	13g00	N134	Nông – Lâm – Ngư
			1614D30A (K14 ĐH Thú y)		26			N141	
			1614D30A (K14 ĐH Thú y)		26			N142	

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
166	DL1269	Địa lí Việt Nam đại cương (**)	1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1	1	21/5/2018	13g00	N441	KHXXH&NV	
			1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		8					
			1715D81A (K15 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		14					
			1715D81N (K15 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành (Ngành 2))		1					
167	LC2218	Thế chế chính trị Việt Nam hiện đại (**)	1311D17A (K11 ĐH Việt Nam học A - 2013 - 2017)	1	1	21/5/2018	13g00	N442	LLCT	
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&ĐT) A - 2014 - 2018)		21			N443		
			1513D17A (K13 ĐH Việt Nam học)		4					
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&ĐT) A - 2014 - 2018)		20					
			1412D17A (K12 ĐH Việt Nam học - 2014 - 2018)		2					
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))		2					
			1614D09T (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT) (Liên thông))		1					
168	DI2304	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2 (*)	1311D41A (K11 ĐH Công nghệ KT Điện - Điện tử A - 2013 - 2017)	1	1	21/5/2018	13g00	N143	Kỹ thuật - CN	
			1614D41A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)		8					
169	TT2210	Hoá bảo vệ thực vật (*)	1412D12A (K12 ĐH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018)	1	1	21/5/2018	13g00		Nông – Lâm – Ngư	
			1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)		3					
			1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)		5					
170	QT2302	Marketing căn bản (****)	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	1	13	21/5/2018	13g00	HDH407	Kinh tế - QTKD	
			1412D11A (K12 ĐH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)		1					
			1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)		2					
			1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)		5					
			1513D10B (K13 ĐH Kế toán B)		2			HDH402		
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		29					
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		28			HDH408		
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		24			HDH214		
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		24			HDH204		
			1614D51A (K14 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư))		1					

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
171	TQ2356	Nói 2 (**)	1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	2	1	21/5/2018	13g00	N615	Ngoại ngữ
			1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		23				
			1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1	28			N621	
172	CH1201	PP nghiên cứu trong công tác xã hội (*)	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	1	1	21/5/2018	13g00	N622	TLGD
			1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)		10				
173	VL2306	Quang học (**)	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	1	3	21/5/2018	13g00	N623	Toán - Tin
			1614D40A (K14 ĐH Sư phạm Vật lý)		7				
174	TN1262	Xác suất thống kê 1 (*)	1311D11A (K11 ĐH Quản trị Kinh doanh A - 2013 - 2017)	1	1	21/5/2018	15g00	N451	Toán - Tin
			1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		2				
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25			N452	
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		29				
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		21			N453	
			1715D06A (K15 ĐH Sư phạm Địa lý)		7			N443	
			1210D70A (K10 ĐH Giáo dục thể chất A - 2012 - 2016)		1				
			1715D11A (K15 ĐH Quản trị kinh doanh)		13				
			1715D16A (K15 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		15				
			1715D50A (K15 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		3				
			1715D51A (K15 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư)		6			N442	
			1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)		1				
			1715D13A (K15 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))		4				
			1715D30A (K15 ĐH Thú y)		10				
			1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)		1				
			1614D24A (K14 ĐH Sư phạm Hóa học)		3				
			1715D83A (K15 ĐH Công tác xã hội)		8				
			1513D23A (K13 ĐH Sư phạm Sinh học)		3				
			1614D23A (K14 ĐH Sư phạm Sinh học)		4				
			1715D23A (K15 ĐH Sư phạm Sinh học)		7				
			1715D24A (K15 ĐH Sư phạm Hóa học)		5				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
175	TQ2241	Văn học Trung Quốc nâng cao (*)	1412D18A (K12 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018)	1	5	21/5/2018	13g00	N452	Ngoại ngữ
176	TA2208	Viết 2 (*)	1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1	3	21/5/2018	13g00		
			1715D28A (K15 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	2	17				
			1715D04A (K15 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1	26			N451	
177	TQ2430	Biên dịch 2 (*)	1311D18N (K11 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A (ngành 2) - 2013 - 2017)	1	1	21/5/2018	13h00		
178	NH2301	Tài chính học (*)	1210D16A (K10 ĐH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016)	1	1	21/5/2018	13g00	N144	Kinh tế - QTKD
			1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		4				
			1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		14				
179	LC1206	Thống kê xã hội (*)	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	2	1	21/5/2018	13g00	N444	LLCT
			1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		1				
			1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		16				
			1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)		1				
180	TN1260	Toán cao cấp A2 (***)	1311D15A (K11 ĐH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017)	1	2	21/5/2018	15g00	HDH402	Toán - Tin
			1715D15A (K15 ĐH Công nghệ thông tin)		26				
181	TN2287	Ứng dụng CNTT trong dạy học Toán (**)	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	1	7	21/5/2018	15g00	HDH407	
			1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)		11			HDH408	
			1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)		19				
182	TI1303	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1 (**)	1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)	1	15	21/5/2018	15g00	HDH812	Kỹ thuật - CN
183	TN2320	Hình học affin và hình học ơclit (*)	1311D01A (K11 ĐHSP Toán học A - 2013 - 2017)	1	1	23/5/2018	07g00	N432	Toán - Tin
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)		6				
			1513C01A (K13 CĐ Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		1				
			1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		14				
			1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)		4				
			1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)		26			N441	

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
184	TN2321	Hình học xạ ảnh (*)	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	1	5	23/5/2018	07g00	N442	Toán - Tin
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		26			N443	
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		25				
			1513D01T (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		1				
			1715D01T (K15 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		8				
185	LS1252	Khảo cổ học đại cương và sử liệu học (*)	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)	1	5	23/5/2018	07g00	N451	KHXXH&NV
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		20			N452	
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		26				
186	NV2237	LLDH Ngữ văn 2 (PPDH TV - Tập làm văn) (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	23	23/5/2018	07g00	N433	
			1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		22			N444	
187	DL1227	Môi trường và phát triển (**)	1513D80A (K13 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)	1	5	23/5/2018	07g00	N454	Ngoại ngữ
			1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		8				
188	TQ1203	Tiếng Trung (3) (***)+(**)	1210D28A (K10 ĐHSP Tiếng Anh A - 2012 - 2016)	2	1	23/5/2018	07g00	HDH402 + N611	
			1311D04A (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017)		1				
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		2				
			1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)		1				
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1	3			HDH407 + N612	
			1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)		7				
			1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)		4				
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		1				
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	2	27			HDH408 + N613	
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		27				
189	HH2280	Hóa lí 3 (*)	1513D24A (K13 ĐH Sư phạm Hóa học)	1	13	23/5/2018	13g00	N614	KHTN

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
190	KT2361	Kinh tế du lịch (*)	1412D81A (K12 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành - 2014 - 2018)	1	1	23/5/2018	13g00	N134	Kinh tế - QTKD
			1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		8				
191	DL2207	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1 (**)	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1	11	23/5/2018	13g00	N433	KHXXH&NV
			1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)		14				
192	HH2312	Hóa học đại cương 2 (*)	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1	1	23/5/2018	13g00	N431	KHTN
			1513D24A (K13 ĐH Sư phạm Hóa học)		3				
			1614D24A (K14 ĐH Sư phạm Hóa học)		3				
			1715D24A (K15 ĐH Sư phạm Hóa học)		5				
193	TI1304	Lý thuyết đồ thị (*)	1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)	1	15	23/5/2018	13g00	N414	Kỹ thuật - CN
194	DI2407	Máy điện (***)	1614D41A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)	1	7	23/5/2018	13g00	N142	
195	CK2318	Nguyên lý máy (**)	1513D42A (K13 ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí)	1	2	23/5/2018	13g00	N143	Kỹ thuật - Công nghệ
			1614D42A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)		5				
196	CN2209	Miễn dịch học (**)	1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	1	18	23/5/2018	13g00	N144	Nông – Lâm – Ngư
197	TA2205	Nghe 2 (Inter) (*)	1311D28A (K11 ĐHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)	1	2	23/5/2018	13g00	N432	Ngoại ngữ
			1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	2	2				
			1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)		6				
			1715D28A (K15 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		17				
			1715D04A (K15 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1	26			N441	
198	TA2215	Ngữ âm - Âm vị học (*)	1311D04B (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1	1	23/5/2018	13g00	N611	
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	2	2				
			1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	1	2				
			1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)		6				
			1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	2	11			N612	
			1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)		22				
			1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1	23			N613	
199	TQ2223	Ngữ pháp (*)	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1	2	23/5/2018	13g00	N442	
			1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		26				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
200	KE2301	Nguyên lý kế toán (**)	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1	1	23/5/2018	13g00	N211	Kinh tế - QTKD
			1311D10B (K11 ĐH Kế toán B - 2013 - 2017)		2				
			1311D11A (K11 ĐH Quản trị Kinh doanh A - 2013 - 2017)		1				
			1311D16A (K11 ĐH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)		1				
			1311D50A (K11 ĐH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)		2				
			1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)		1				
			1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		4				
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		1				
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		3				
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		3				
			1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		2				
			1715D50A (K15 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		3				
			1715D51A (K15 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư)		6				
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25				
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25				
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25				
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25				
			1715D11A (K15 ĐH Quản trị kinh doanh)		13				
			1715D16A (K15 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		15				
201	LC2409	Pháp luật chuyên ngành (*)	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)	1	4	23/5/2018	13g00	N615	LLCT
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		3				
			1614D09A (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		9				
202	TT2207	Canh tác học (**)	1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)	1	4	23/5/2018	13g00	N232	Nông – Lâm – Ngư
203	QT2304	Quản trị sản xuất (*)	1311D11A (K11 ĐH Quản trị Kinh doanh A - 2013 - 2017)	1	1	23/5/2018	13g00	N233	Kinh tế - QTKD
			1412D11A (K12 ĐH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)		2				
			1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh		15				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
204	VL2226	Sử dụng máy tính trong dạy học Vật lí (**)	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	1	4	23/5/2018	13g00	N444	Toán - Tin
			1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)		8				
			1614D40A (K14 ĐH Sư phạm Vật lý)		7				
205	TG2229	Tâm lý học giới tính (*)	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	1	3	23/5/2018	13g00	N621	TLGD
			1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)		1				
			1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)		10				
206	SH2372	Thực vật học 1 (*)	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	1	3	23/5/2018	13g00	N622	KHTN
			1614D23A (K14 ĐH Sư phạm Sinh học)		1				
			1715D23A (K15 ĐH Sư phạm Sinh học)		7				
207	CN2201	Vi sinh vật đại cương (**)	1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)	2	1	23/5/2018	13g00	N241	Nông – Lâm – Ngư
			1614D30A (K14 ĐH Thú y)		26			N242	
			1614D30A (K14 ĐH Thú y)		26				
208	TG1202	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục (**)	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	2	1	24/5/2018	07g00	N611	TLGD
			1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1	23			N612	
			1614D28N (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2))		1				
			1614D28N (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2))	2	1				
			1311D60A (K11 ĐHSP Âm nhạc A - 2013 - 2017)	1	1				
			1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	2	1				
			1513D24A (K13 ĐH Sư phạm Hóa học)	1	3				
			1614D23A (K14 ĐH Sư phạm Sinh học)		3				
			1614D24A (K14 ĐH Sư phạm Hóa học)		3				
			1715D23T (K15 ĐH Sư phạm Sinh học (Liên thông))		1				
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	2	1				
			1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)		1				
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		6				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
209	TG1202	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục (**)	1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	1	1	24/5/2018	07g00	N612	TLGD
			1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)		4			N613	
			1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)		30			N611	
			1614D02A (K14 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	2	27		13g00	N612	
			1614D40A (K14 ĐH Sư phạm Vật lý)	1	5			N612	
			1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)	2	14			N612	
			1614D09A (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDCD))		9			N612	
210	SH2376	Sinh lý học người và động vật (**)	1513D23A (K13 ĐH Sư phạm Sinh học)	1	12	25/5/2018	07g00	N431	KHTN
211	TA2276	Đất nước học 1 (**)	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1	3	25/5/2018	07g00	N432	Ngoại ngữ
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		25			N441	
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1+2	25			N441	
212	TN2284	Hình học sơ cấp và thực hành giải toán (*)	1513C01A (K13 CĐ Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	1	1	25/5/2018	07g00	N433	Toán - Tin
			1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		15				
213	TN2311	Phương pháp dạy học cụ thể 2 (**)	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	1	2	25/5/2018	07g00	N611	
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		29			N612	
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		22			N612	
			1513D01N (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Ngành 2))		1			N612	
			1715D01T (K15 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		8			N612	
214	LC2313	PP giảng dạy môn giáo dục công dân (**)	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDCD))	1	24	25/5/2018	07g00	N613	LLCT
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDCD))		24			N614	
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GDCD) A - 2014 - 2018)		1			N614	
215	NN1209	Tiếng Anh chuyên ngành Việt Nam học (**)	1513D17A (K13 ĐH Việt Nam học)	1	4	25/5/2018	07g00	N615	Ngoại ngữ
216	DL2268	Địa lý du lịch Việt Nam (**)	1412D17A (K12 ĐH Việt Nam học - 2014 - 2018)	1	1	25/5/2018	07g00	N621	KHXXH&NV
			1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)		9				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
217	NV2326	Văn học Việt Nam hiện đại II (1945 - 1975) (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	25	25/5/2018	07g30	N442	KHXXH&NV
			1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		20			N444	
218	NV1210	Kỹ năng giao tiếp (*)	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	1	4	25/5/2018	07g00		
219	TG2227	Tâm lý du khách (*)	1513D80A (K13 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)	1	5	25/5/2018	07g00	N622	TLGD
220	CH2206	Chăm sóc sức khỏe tâm thần (*)	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	1	1	25/5/2018	07g00		
			1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)		10				
221	TA2381	Đọc - Viết 4 (*)	1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1	33	25/5/2018	13g00	N443	Ngoại ngữ
222	TQ2263	Đọc 4 (****)	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1	2	25/5/2018	13g00	N451	
			1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		26				
223	KT2309	Kinh tế vĩ mô 1 (****)	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1	4	25/5/2018	13g00	HDH214	Kinh tế - QTKD
			1311D16A (K11 ĐH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)		1				
			1311D50A (K11 ĐH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)		1				
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		2				
			1412D51A (K12 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)		3				
			1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		1				
			1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		2				
			1715D50A (K15 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		3				
			1715D51A (K15 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư)		6				
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25			HDH812	
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25			HDH408	
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25			HDH407	
			1715D11A (K15 ĐH Quản trị kinh doanh)		13			HDH402	
			1715D16A (K15 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		15				
224	CK2237	Kỹ thuật điều khiển tự động (*)	1614D42A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	1	5	25/5/2018	13g00	N134	Kỹ thuật - CN
225	TT2206	Phương pháp NCKH chuyên ngành (*)	1412D12A (K12 ĐH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018)	1	1	25/5/2018	13g00		
			1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)						
			1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)						

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
226	TA2206	Nói 2 (**)	1210D04A (K10 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2012 - 2016)	2	1	25/5/2018	13g00	N432	Ngoại ngữ
			1715D28A (K15 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		17				
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1+2	3				
			1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1	9				
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	2	1				
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		4				
			1715D04A (K15 ĐH Ngôn ngữ)	1	26				
227	CN2206	PP nghiên cứu khoa học chuyên ngành	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	2	26	25/5/2018	13g00	N211 - Bài tập lớn	Nông – Lâm – Ngư
			1614D30A (K14 ĐH Thú y)		26				
228	NH2203	Tài chính doanh nghiệp (**)	1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)	1	29	25/5/2018	13g00	N212	Kinh tế - QTKD
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		28			N213	
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		24			N221	
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		23			N222	
			1412D51A (K12 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)		1				
229	DL2237	Địa chất học đại cương (***)	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1	5	25/5/2018	15g00	HDH407	KHXXH&NV
			1715D06A (K15 ĐH Sư phạm Địa lý)		7				
230	TI2356	Mạng không dây và di động (***)	1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)	1	15	25/5/2018	15g00	HDH408	Kỹ thuật - CN
231	NV2430	Ngữ pháp và văn bản Tiếng Việt (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	23	28/5/2018	07g00	N611	KHXXH&NV
			1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		22			N612	
232	VN2211	Lịch sử - Văn hoá Phú Thọ (**)	1513D17A (K13 ĐH Việt Nam học)	1	4	28/5/2018	07g00	N613	
233	NN2318	Tiếng Anh du lịch 2 (**)	1513D80A (K13 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)	1	5	28/5/2018	07g00	N614	Ngoại ngữ
234	LS2258	Những vấn đề cơ bản của các cuộc CM tư sản thời cận đại (*)	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))	1	23	28/5/2018	07g00	N615	KHXXH&NV
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))		23			N621	
235	TN2234	Phương trình đạo hàm riêng (*)	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	1	30	28/5/2018	07g00	N432	Toán - Tin
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		21			N441	
			1715D01T (K15 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		8				
236	VL2230	Thí nghiệm điện - quang (**)	1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)	1	8	28/5/2018	07g00	Phòng thí nghiệm	
			1614D40A (K14 ĐH Sư phạm Vật lý)		7				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
237	TA2230	Tiếng Anh kinh tế (*)	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	2	26	28/5/2018	07g00	N442	Ngoại ngữ	
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		25			N443		
238	TI2264	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật (**)	1513D41A (K13 ĐH Công nghệ KT Điện, điện tử)	2	4	28/5/2018	07g00	HDH407	Kỹ thuật - CN	
			1614D41A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)		8					
			1614D42A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)		4					
239	DI2302	Vẽ kỹ thuật (**)	1715D42A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	1	3	28/5/2018	07g00	N134		
240	VL2331	Cơ học lý thuyết (*)	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	1	11	28/5/2018	13g00	N622	Toán - Tin	
			1614D40T (K14 ĐH Sư phạm Vật lý (Liên thông))		6					
241	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam (**)	1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)	3	2	28/5/2018	13g00	N432	KHXXH&NV	
			1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		3					
			1311D17A (K11 ĐH Việt Nam học A - 2013 - 2017)		1					
			1614D02A (K14 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		19					
242	TA2207	Độc 2 (***)	1311D04B (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1	1	28/5/2018	13g00	HDH402	Ngoại ngữ	
			1311D28A (K11 ĐHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)	2	2					
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	1+2	5					
			1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)		4					
			1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)		12					
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1	2			HDH407		
			1715D04A (K15 ĐH Ngôn ngữ)		26					
			1715D28A (K15 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	2	17					
243	TQ2222	Từ vựng tiếng Hán hiện đại (***)	1311D18N (K11 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A (ngành 2) - 2013 - 2017)	1	1	28/5/2018	13h00	HDH408		

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
244	TT2217	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng (*)	1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)	1	4	28/5/2018	13g00	N211	Nông – Lâm – Ngư	
245	KT2252	Kinh tế môi trường (*)	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1	1	28/5/2018	13g00		Kinh tế - QTKD	
			1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)		1					
			1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)		2					
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		1					
			1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh		1					
			1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		1					
			1614D50A (K14 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		1					
			1614D51A (K14 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư))		2					
			1715D50A (K15 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		3					
			1715D51A (K15 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư)		6					
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25					
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25					
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25					
			1715D11A (K15 ĐH Quản trị kinh doanh)		13					
1715D16A (K15 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	15									
246	TQ2262	Nói 4 (**)	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1	4	28/5/2018	13g00		N441	Ngoại ngữ
			1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		26					
247	TN2309	Phương pháp dạy học đại cương môn toán (**)	1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)	1	30	28/5/2018	13g00		N442	Toán - Tin
248	QT1221	Văn hóa kinh doanh (**)	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	3	2	28/5/2018	13g00	N231	Kinh tế - QTKD	
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		2					
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		22			N232		
			1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)		25					
249	CH2307	Gia đình học (*)	1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)	1	10	28/5/2018	13g00	N611	TLGD	

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
250	TQ1202	Tiếng Trung (2) ^{(***)+(**)}	1210D04A (K10 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2012 - 2016)	2	1	28/5/2018	13g00	HDH214 + N612	Ngoại ngữ
			1210D28A (K10 ĐHSP Tiếng Anh A - 2012 - 2016)		1				
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		2				
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		2				
			1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)		14				
			1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)		19			HDH204 + N613	
251	NV1201	Tiếng Việt thực hành ^(***)	1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)	6	1	28/5/2018	15g00	HDH811	KHXXH&NV
			1715D83A (K15 ĐH Công tác xã hội)		8				
			1715D24A (K15 ĐH Sư phạm Hóa học)		5				
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&ĐT) A - 2014 - 2018)		1				
			1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)		10				
			1715D06A (K15 ĐH Sư phạm Địa lý)		7				
			1715D09A (K15 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))		1				
252	TA2277	Đất nước học 2 ^(**)	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1	26	30/5/2018	07g00	N432	Ngoại ngữ
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		25			N441	
253	TI2265	Phương pháp tính ^(*)	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	1	2	30/5/2018	07g00	N144	Kỹ thuật - Công nghệ
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		26			N134	
			1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)		25				
			1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)		3				
			1715D01A (K15 ĐH Sư phạm Toán học)		1				
254	CK2419	Chi tiết máy ^(*)	1513D42A (K13 ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí)	1	2	30/5/2018	07g00	N142	
			1614D42A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)		5				
255	TN2314	Số học ^(*)	1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)	1	3	30/5/2018	07g00	N431	Toán - Tin
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)		1				
			1513C01A (K13 CĐ Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		1				
			1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		7				

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
256	NV2238	Sử thi dân gian các dân tộc ít người ở VN (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	24	30/5/2018	07g00	N442	KHXXH&NV
			1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		18			N443	
257	VH1260	Hán Nôm cơ sở (*)	1513D17A (K13 ĐH Việt Nam học)	1	5	30/5/2018	07g00		
258	VH2408	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch (***)	1513D80A (K13 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)	2	3	30/5/2018	07g00	HDH204	
			1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lễ hành)		18				
259	LS2320	Quan hệ quốc tế từ cuối thế kỷ XIX đến nay (**)	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))	1	24	30/5/2018	07g00	N444	
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))		24			N454	
260	KE2315	Kế toán tài chính (*)	1311D11A (K11 ĐH Quản trị Kinh doanh A - 2013 - 2017)	1	3	30/5/2018	13g00	N134	Kinh tế - QTKD
			1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)		1				
			1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)		4				
			1513D11A (K13 ĐH Quản trị kinh doanh)		7				
			1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		1			N141	
			1614D50A (K14 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		3				
			1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		13				
			1614D51A (K14 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư))		5				
261	KT1201	Lịch sử các học thuyết kinh tế (*)	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1	1	30/5/2018	13g00	N142	
			1311D10B (K11 ĐH Kế toán B - 2013 - 2017)		1				
			1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)		1				
			1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		1				
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		1			N143	
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25				
			1715D50A (K15 ĐH Kinh tế nông nghiệp)		3				
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25				
			1715D51A (K15 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư)		6			N144	
			1715D10A (K15 ĐH Kế toán)		25				
			1715D11A (K15 ĐH Quản trị kinh doanh)		13				
			1715D16A (K15 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		15				N211

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
262	QT2303	Quản trị nhân lực (**)	1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh	1	29	30/5/2018	13g00	N212	Kinh tế - QTKD	
263	NV1351	Tiếng Việt (*)	1311D04B (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1+2	1	30/5/2018	13g00	N441	KHXXH&NV	
			1311D28A (K11 ĐHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)		1					
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		4					
			1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		2			N432		
			1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		17					N431
			1715D04A (K15 ĐH Ngôn ngữ		26					
			1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		4					
			1715D28A (K15 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		17					
264	LS1204	Tôn giáo học đại cương (**)	1715D09A (K15 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))	1	5	30/5/2018	13g00	N433		
			1715D80A (K15 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)		9					
			1715D81A (K15 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		14					
			1715D81N (K15 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành (Ngành 2))		1					
265	TN2381	Tô pô đại cương (**)	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	1	1	01/6/2018	07g00	N611	Toán - Tin	
			1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))		8					
			1715D01T (K15 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		8			N612		
			1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)		23					
266	TA2217	Từ vựng học (*)	1311D04B (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1	1	01/6/2018	07g00	N431	Ngoại ngữ	
			1412C04A (K12 CĐSP Tiếng Anh - 2014 - 2017)		1					
			1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)		1					
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		9					
			1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)		4			N432		
			1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)		6					
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		25			N433		
			1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		20					
			1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		23			N441		

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
267	VL2328	Vật lý nguyên tử và hạt nhân ^(***)	1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)	1	7	01/6/2018	07g00	HDH402	Toán – Tin
268	VL1252	Vật lý đại cương A2 ^(****)	1614D42A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	1	5	01/6/2018	07g30		
			1715D42A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)		3				
			1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)		1				
			1614D24A (K14 ĐH Sư phạm Hóa học)		3				
			1715D24A (K15 ĐH Sư phạm Hóa học)		5				
269	LC1207	Pháp luật đại cương ^(****)	1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)	2	1	01/6/2018	09g00	HDH407	LLCT
			1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)		2				
			1311D10B (K11 ĐH Kế toán B - 2013 - 2017)		1				
			1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)		3				
			1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)		1				
			1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)		1				
			1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		1				
			1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh		1				
			1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)		1				
			1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)		2				
			1715D13A (K15 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))		4				
			1715D30A (K15 ĐH Thú y)		10				
			1311D04B (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)		1				
			1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)		1				
			1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)		1				
			1513D01N (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Ngành 2))		1				
			1614D01T (K14 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))		1				
			1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		4			HDH408	

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý	
270	DL1219	Địa lý đại cương (**)	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	1	1	01/6/2018	13g00	N432	KHXXH&NV	
			1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)		8					
			1715D04A (K15 ĐH Ngôn ngữ Anh)		8			N431		
			1715D04A (K15 ĐH Ngôn ngữ Anh)		18					
271	NV2229	Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt (*)	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1	2	01/6/2018	13g00	N441		
			1614D02A (K14 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		27					
			1715D02N (K15 ĐH Sư phạm Ngữ văn (Ngành 2))		1					
272	KT1207	Kinh tế phát triển (***)	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	1	4	01/6/2018	13g00	HDH407	Kinh tế - QTKD	
			1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)		2					
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		15					
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		21			HDH408		
			1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)		21			HDH812		
			1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh		29			HDH402		
273	NH2311	Nghịệp vụ ngân hàng thương mại 1 (**)	1311D16A (K11 ĐH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)	1	2	01/6/2018	13g00	N134		
			1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		6					
			1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		14					
274	TG1205	Tâm lý học đại cương (****)	1311D28A (K11 ĐHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)	5	2	01/6/2018	15g00	HDH407	TLGD	
			1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)		1					
			1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	8	1					
			1614D28N (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2))		1					
			1715D28A (K15 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	5	17					
			1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)	8	1			HDH408		
			1715D83A (K15 ĐH Công tác xã hội)		8					
			1715D23A (K15 ĐH Sư phạm Sinh học)	5	7					
			1715D24A (K15 ĐH Sư phạm Hóa học)		5					
			1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)		3					

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
275	TG1205	Tâm lý học đại cương (***)	1715D01A (K15 ĐH Sư phạm Toán học)		17	01/6/2018	15g00	HDH402	TLGD
			1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)		1				
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)		1				
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		1				
			1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)	8	2				
			1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		2				
			1614D09A (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		2				
			1715D02A (K15 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		11				
			1715D06A (K15 ĐH Sư phạm Địa lý)		7				
			1715D09A (K15 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))		5				
			1715D80A (K15 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)		9				
			1715D81A (K15 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		14				

Chú thích: (*) - Học phần thi tự luận

(**) - Học phần thi vấn đáp, thực hành

(***) - Học phần thi trắc nghiệm.

Phú Thọ, ngày 26 tháng 4 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG

P.Hiệu trưởng

(Đã ký)

TRUNG TÂM ĐBCL

P.Giám đốc

(Đã ký)

NGƯỜI LẬP LỊCH

(Đã ký)

Đỗ Tùng

Nguyễn Văn Nghĩa

Nguyễn Thành Trung

Cơ sở Việt Trì
Khoa: Nông – Lâm – Ngư

STT	Mã MH	Học phần	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng	Khoa quản lý
1	TY2224	Dược lý học (**)	1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	1	11	04/6/2018	07g30	N211	Nông – Lâm – Ngư
2	CN2255	Chăn nuôi động vật quý hiếm (*)	1412D30A (K12 ĐH Thú y - 2014 - 2019)	1	16				

Chú thích: (*) - Học phần thi tự luận

Phú Thọ, ngày 26 tháng 4 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
P.Hiệu trưởng
(Đã ký)

TRUNG TÂM ĐBCL
P.Giám đốc
(Đã ký)

NGƯỜI LẬP LỊCH
(Đã ký)

Đỗ Tùng

Nguyễn Văn Nghĩa

Nguyễn Thành Trung